

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 185/2022/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 20 tháng 10 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định nội dung, mức hỗ trợ và mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 10**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Trên cơ sở Nghị quyết số 226/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hoà Bình giai đoạn 2020-2025;

Xét Tờ trình số 161/TTr-UBND ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về đề nghị ban hành Nghị quyết Quy định nội dung, mức hỗ trợ và trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án, đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2022./. *Bu*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, LĐ-TB&XH, Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Trung tâm tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Hoà Bình;
- LĐ và CV các Phòng CM;
- Lưu: VT, CTHĐND(M).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 185 /2022/NQ-HĐND ngày 20/10/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hòa Bình, giai đoạn 2021-2025.

2. Phân chia địa bàn áp dụng

a) Địa bàn đặc biệt khó khăn: Địa bàn thuộc xã khu vực III tại Quyết định số Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Địa bàn khó khăn: Địa bàn thuộc xã khu vực II tại Quyết định số Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; không bao gồm xã khu vực II đã đạt chuẩn nông thôn mới.

c) Địa bàn khác: Địa bàn các xã, phường, thị trấn còn lại trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ hợp tác, tổ khuyến nông cộng đồng, người lao động, hộ gia đình, cá nhân liên quan tham gia quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ một lần đối với các nội dung hỗ trợ.

2. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất hoặc theo thời hạn đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định. Tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân.

4. Ưu tiên sử dụng vốn từ các Chương trình mục tiêu quốc gia để hỗ trợ thực hiện các dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị; Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng. Khi đã xem xét khả năng áp dụng hình thức hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị và dự án hỗ trợ sản xuất theo cộng đồng nhưng không huy động được sự tham gia của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức khác hoặc không có đề xuất từ cộng đồng dân cư thì sẽ thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

5. Nội dung hỗ trợ thực hiện đúng các định mức kinh tế - kỹ thuật do cấp có thẩm quyền ban hành;

Điều 4. Điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 1, Điều 21, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 19/4/2022 về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ giống, vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất:

- Trồng trọt: Những sản phẩm nằm trong danh mục sản phẩm trồng trọt chủ lực quốc gia; sản phẩm trồng trọt chủ lực và lợi thế của tỉnh; sản phẩm có khả năng chế biến công nghiệp, sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, sản phẩm có sở hữu trí tuệ; phân bón, chế phẩm sinh học

- Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học...

- Lâm nghiệp: Cây gỗ lớn, lâm sản ngoài gỗ, chế phẩm sinh học, phân bón.

- Thủy sản: Cá nuôi lồng, thức ăn, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, lồng bè nuôi trồng thủy sản.

Mức hỗ trợ nêu trên theo quy mô thực tế về diện tích, số lượng vật nuôi và định mức kinh tế - kỹ thuật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

b) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (bao gồm tư vấn, nghiên cứu đề xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường): Hỗ trợ tối đa 100% nhưng không quá 300 triệu đồng/dự án.

c) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung chi, mức chi thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị quyết số 116/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình quy định mức chi cụ thể cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hoà Bình.

d) Chi chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi: Hỗ trợ tối đa 40%

nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án.

đ) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (xây dựng nhà xưởng, nhà kính, nhà lưới, bến bãi, kho tàng; mua sắm máy móc, trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp): Hỗ trợ tối đa 30% nhưng không quá 5.000 triệu đồng/dự án

e) Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ: Mức hỗ trợ, cơ chế hỗ trợ thực hiện theo các quy định của Chính phủ và hướng dẫn thực hiện của các Bộ, ngành Trung ương.

g) Đăng ký nhãn hiệu, đăng ký nhãn hiệu tập thể, đăng ký nhãn hiệu chứng nhận, đăng ký kiểu dáng công nghiệp: Hỗ trợ tối đa 100%, mức hỗ trợ áp dụng theo mức tại điểm e, khoản 2, Điều 13 Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

h) Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Tổng mức chi phí các nội dung hỗ trợ tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, khoản 2, Điều này cho (01) dự án, kế hoạch liên kết: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn, không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. Phần còn lại do đối ứng của đối tượng hưởng lợi, chủ trì liên kết.

Điều 5. Điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 1, Điều 22, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

2. Nội dung và mức hỗ trợ.

a) Hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi:

- Trồng trọt: Giống cây trồng, giá thể trồng cây, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, chế phẩm sinh học, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch;

- Chăn nuôi: Con giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin, thuốc điều trị bệnh cho vật nuôi, chế phẩm sinh học, hóa chất khử trùng, tiêu độc môi trường chăn nuôi, công cụ, dụng cụ sản xuất;

- Lâm nghiệp: Giống cây trồng lâm nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón;

- Nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, hóa chất xử lý môi trường nuôi, chế phẩm sinh học, công cụ, dụng cụ sản xuất, lồng bè nuôi trồng thủy sản, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản;

b) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm: Thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết này.

c) Hỗ trợ chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ: Thực hiện theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết này .

d) Hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ: Thực hiện theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết này.

đ) Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả: Hỗ trợ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình ban hành Quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Hoà Bình và 50.000 đồng/người/buổi đi thực địa (ngoài công tác phí theo chế độ quy định).

e) Hỗ trợ tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương trong tỉnh, ngoài tỉnh do chủ đầu tư quyết định trong phạm vi dự toán được giao: Hỗ trợ mức chi công tác phí theo quy định tại Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh; chi thuê xe theo thực tế.

g) Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và các hỗ trợ khác theo định mức kinh tế, kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

Tổng mức chi phí các nội dung hỗ trợ tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, khoản 2, Điều này cho (01) dự án: Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không quá 95% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn, không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn, không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. Phần còn lại do đối ứng của đối tượng hưởng lợi.

Điều 6. Điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

1. Điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo khoản 1, Điều 23, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ.

2. Cơ quan giao nhiệm vụ và cơ quan được giao nhiệm vụ

a) Cơ quan giao nhiệm vụ là các đơn vị được bố trí kinh phí từ các Chương trình mục tiêu quốc gia. Cơ quan giao nhiệm vụ quyết định giao nhiệm vụ với đơn vị được giao nhiệm vụ; hướng dẫn, giám sát, thanh toán và giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đơn vị được giao nhiệm vụ

Các đơn vị, tổ chức có chức năng chuyên giao khoa học kỹ thuật và đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Xây dựng, phê duyệt dự án

a) Đối với dự án cấp tỉnh thực hiện: Sở, ngành được giao kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giao cho đơn vị được giao nhiệm vụ trực thuộc chủ trì thực hiện dự án tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: Tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn

thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai; trình Thủ trưởng Sở, ngành quyết định phê duyệt dự án.

b) Đối với dự án cấp huyện, cấp xã thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã giao cho đơn vị được giao nhiệm vụ trực thuộc chủ trì thực hiện dự án tiến hành khảo sát, xây dựng dự án, bao gồm: tên đơn vị đề xuất dự án, loại mô hình, mục tiêu, đối tượng tham gia, thời gian triển khai, địa bàn thực hiện, nội dung, kinh phí, kế hoạch triển khai; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án.

c) Đơn vị được giao nhiệm vụ (đơn vị chủ trì thực hiện dự án) ký hợp đồng đặt hàng với bên nhận đặt hàng (bên nhận đặt hàng có thể là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đại diện cộng đồng dân cư, hộ gia đình).

4. Nội dung và mức hỗ trợ:

Thực hiện theo quy định tại điểm 2.1 đến điểm 2.7, khoản 2, Điều 4 Nghị quyết này.

5. Quy trình, thủ tục về ký hợp đồng, giao nhiệm vụ và nghiệm thu, thanh toán hợp đồng, kết quả thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên

Điều 7. Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

Trên cơ sở các quy định tại Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn chi tiết trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ lựa chọn dự án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh.